

Bản án số: 331/ 2023/HC-PT
Ngày: 13/9/ 2023
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

 ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Nam Anh**- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 131/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC- ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3086/2023/QĐPT-HC ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Cao Thị T; Địa chỉ: số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: A V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T1 - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Quang H – Phó Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Cao P, bà Trương Thị M; Địa chỉ: số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: A V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Cao Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1987 hộ gia đình chúng tôi (hộ ông Cao P và bà Trương Thị M) được Hợp tác xã T3 cấp cho 01 thửa đất tổng diện tích là 985,9m². Đến năm 2010, hộ gia đình chúng tôi được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 360881, thửa đất số 181, tờ bản đồ 08, diện tích: 151,2 m².

Ngày 12/7/2012 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình chúng tôi với diện tích bị ảnh hưởng là 834,7 m² (tương ứng thửa đất số 26, tờ bản đồ 6), trong đó diện tích thu hồi là 593,1 m². Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó, gia đình chúng tôi được bồi thường, hỗ trợ 1.150.899.250 đồng (nhưng đến năm 2019 mới được nhận tiền). Sau khi thu hồi, tôi và các thành viên khác trong gia đình (gồm Cao Văn M1, Cao Thị H1, Cao Thị N1, Cao Văn N2, Cao Văn A, Cao Văn N3, Cao Thị Ý) vẫn sinh sống trên thửa đất thu hồi (do Nhà nước chưa bồi thường nên chưa giải phóng mặt bằng). Đến năm 2017 Nhà nước tiến hành dự án đường T, do không có đất để sinh sống nên bắt buộc tôi phải đi làm ăn xa.

Khi Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi đất của gia đình chúng tôi, diện tích còn lại là: 151,2 m² với diện tích này không đủ để các anh chị em trong nhà sinh sống. Qua nhiều lần khiếu nại, kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thành phố B giao 04 lô tái định cư cho gia đình chúng tôi (gồm: Cao Thị H1, Cao Văn M1, Cao Thị N4, Cao Thị T) đây là 04 hộ gia đình sinh sống trên cùng một thửa đất với diện tích: 151,2 m².

Đến năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố B có giao cho anh Cao Văn M1, Cao Thị H1 mỗi người 01 lô tái định cư. Tuy nhiên, tôi và chị Cao Thị N1 không được xem xét vì lý do không ở tại vị trí đất thu hồi nên không thuộc trường hợp không phải di chuyển chỗ ở (Văn bản số 55/CV- TTPTQĐ ngày 10/7/2019) là không đúng với thực tế. Qua nhiều lần liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xem xét giao thêm cho tôi 01 lô tái định cư, nhưng không được xem xét, giải quyết. Ngày 31/5/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Văn bản số: 1894/UBND-VP về việc xử lý đơn của tôi. Đến ngày 03/8/2022, Trung

tâm phát triển quỹ đất có Văn bản số: 145/CV- TTPTQĐ về việc trả lời đơn của tôi, tiếp tục cho rằng tôi không ở trên vị trí đất bị thu hồi, nên không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư nhưng tôi không đồng ý. Mặt khác, Trung tâm phát triển quỹ đất có Văn bản số: 145/CV-TTPTQĐ giải quyết nguyện vọng của tôi là không đúng với thẩm quyền mà thẩm quyền phải của Ủy ban nhân dân thành phố B mới đúng.

Sau khi nhận được Văn bản số: 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022, tôi khiếu nại lên Ủy ban nhân dân thành phố B nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Căn cứ khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP; khoản 4 Điều 5 Quyết định 39/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ và Điều 5 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ

Xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của tôi bị xâm phạm nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 62, 63 và Điều 66 Luật Đất đai 2013, căn cứ khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tuyên hủy văn bản số 1894/UBND-VP ngày 31/5/2022 của UBND thành phố B; hủy văn bản số 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; hủy văn bản số 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND thành phố B giao thêm 01 lô tái định cư cho hộ bà Cao Thị T theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trình bày:

- Căn cứ pháp lý:

Công văn số 3946/UBND-CN của UBND tỉnh Đ ngày 16/10/2007 về việc đầu tư xây dựng đường T, trục dọc số 4, buôn K, phường T, thành phố B.

Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 16/4/2009 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường T, thành phố B.

Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B về việc thu hồi 593,1m² đất của hộ gia đình ông (bà) Cao Phấn sử dụng đất tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình: Đường T, phường T (đợt 1).

Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường T, phường T, thành phố B (đợt 1), Thông báo số 310/TB-UBND của UBND tỉnh Đ ngày 31/12/2013 về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với các dự án đầu tư. Công văn số 4320/UBND-TH của UBND tỉnh Đ ngày 07/6/2017 về việc tiếp tục thi công công trình Đường T.

- Đối với đơn khởi kiện của bà Cao Thị T về việc Hủy văn bản số 1894/UBND-VP ngày 31/5/2022 của UBND thành phố B; Hủy văn bản số: 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố B; Hủy văn bản số 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố B; Buộc UBND thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ là

giao thêm 01 lô tái định cư theo quy định của pháp luật. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B có ý kiến như sau:

Ngày 12/7/2012, UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B về việc thu hồi 593,1m² đất của hộ gia đình ông (bà) Cao Phấn sử dụng đất tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình: Đường T, phường T (đợt 1) và Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường T, phường T, thành phố B (đợt 1). Đến ngày 31/12/2013 UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 310/TB- UBND của UBND tỉnh Đ ngày 31/12/2013 về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với các dự án đầu tư. Theo đó, dự án đường T giãn tiến độ xem xét đầu tư sau năm 2015. Đến ngày 07/6/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 4320/UBND- TH về việc tiếp tục thi công công trình Đường T. Căn cứ Khoản 6, Điều 210 Luật Đất đai 2013 quy định: “6. *Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này.*” và căn cứ Khoản 3, Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ “*Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt*”. Quyết định số 2586/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường T, thành phố B và Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND được UBND thành phố B ban hành ngày 12/7/2012 trước ngày 01/7/2014 và trước khi Khoản 2, Điều 93 Luật Đất đai 2013 có hiệu lực. Do đó, UBND thành phố tiếp tục thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Cao P theo Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 là đúng theo quy định.

Về tái định cư: Căn cứ Khoản 1, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ, hộ ông Cao P bị thu hồi phần diện tích đất nông nghiệp, và phần diện tích đất còn lại 151,2 m² là đất ở nên hộ ông Cao P không đủ điều kiện để bồi thường bằng đất ở theo quy định.

Căn cứ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất “*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê*

mua nhà ở giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định” thì hộ bà Cao Thị T (con gái ông Cao P) tuy đã tách hộ khẩu trên cùng địa chỉ nhưng không đủ điều kiện để xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất vì qua xác minh điều kiện nhà ở, đất ở trên địa bàn phường T, thành phố B đối với hộ bà Cao Thị T không ở tại vị trí thu hồi đất nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở. Do vậy, trường hợp hộ bà Cao Thị T không đủ điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định.

Từ những căn cứ trên, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Cao Thị T.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố Buôn Ma T2 không tham gia tố tụng và không nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao P, bà Trương Thị M:

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của bà Cao Thị T và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Cao Thị T.

Với nội dung trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC- ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ quy định Điều 204 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T về việc hủy Công văn số 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; hủy Công văn số 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và buộc UBND thành phố B giao thêm 01 lô tái định cư cho hộ bà Cao Thị T theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ trả lại đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Công văn số 1894/UBND-VP ngày 31/5/2022 của UBND thành phố B về việc xử lý đơn của bà Cao Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí của đương sự.

Ngày 18/5/2023 bà Cao Thị T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Quan điểm của đại diện VKS Cấp cao tại Đà Nẵng như sau.

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Bác yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị T về việc yêu cầu hủy Công văn số: 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019, Công văn số: 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn khiếu nại đối với bà Cao Thị T và buộc UBND thành phố B giao thêm 01 lô tái định cư cho hộ bà Cao Thị T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết Tòa cấp sơ thẩm thụ lý là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của bà Cao Thị T đối với Công văn số 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (viết tắt TTPTQĐ-BMT) và Công văn số 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của TTPTQĐ-BMT thì thấy;

[2.1] Quá trình thực hiện dự án xây dựng công trình Đường T, phường T (đợt A) UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B v/v thu hồi 593,1m² đất của hộ gia đình ông (bà) Cao Phấn và Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND -TPBMT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình. UBND -TPBMT ban hành Công văn số 1894/UBND-VP. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đã thừa ủy quyền trả lời đơn cho bà T. Như vậy; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số 145/CV-TTPTQĐ trả lời đơn kiến nghị của bà Cao Thị T là được Chủ tịch UBND thành phố B ủy quyền theo quy định tại Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011 là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Đối với công văn số 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và Công văn số 145/CV-TTPTQĐ ngày

03/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thấy rằng:

Ngày 12/7/2012, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND về việc thu hồi 593,1m² đất của hộ gia đình ông Cao P và Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường T, phường T, thành phố B (đợt 1). Đến ngày 31/12/2013 UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 310/TB- UBND của UBND tỉnh Đ ngày 31/12/2013 về việc tạm dừng, cắt giảm, giãn tiến độ đối với các dự án đầu tư. Theo đó, dự án đường T giãn tiến độ xem xét đầu tư sau năm 2015. Đến ngày 07/6/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 4320/UBND- TH về việc tiếp tục thi công công trình Đường T. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm ban hành Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định thu hồi đất số 2566/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 thì chưa ban hành Quyết định về tái định cư cho gia đình ông Cao P mà đến ngày 27/6/2019 UBND thành phố B thực hiện việc bố trí tái định cư cho gia đình ông Cao P. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 thì phương án tái định cư được lập dựa trên quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đất đai tại thời điểm thực hiện việc bố trí tái định cư năm 2019.

[2.3] Xét thấy, năm 2012 hộ ông Cao P bị thu hồi diện tích 593,1m² (toàn bộ đất bị thu hồi là đất nông nghiệp) và phần diện tích đất còn lại 151,2 m² là đất ở nên hộ ông Cao P không đủ điều kiện để bồi thường bằng đất ở. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì: *“Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”*.

Theo các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hộ bà Cao Thị T (con gái ông Cao P) có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa chỉ đất bị thu hồi vào ngày 28/11/2014 (bút lục 04, 05). Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 18/12/2018 UBND phường T xác định: *“Hiện nay ngoài hộ ông Cao P thì có 02 người con của ông P là Cao Văn M1, Cao Thị H1 đang ở tại 02 Ki ốt thuộc khu vực giải tỏa thửa đất bị thu hồi công trình đường T, còn 02 hộ Cao Thị N1, Cao Thị T đã tách hộ khẩu tuy nhiên không ở tại vị trí thu hồi đất”*. Do đó, hộ bà Cao Thị T không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nên hộ bà Cao Thị T không đủ điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định.

Do vậy, Yêu cầu của bà T hủy Công văn số 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 và Công văn số 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu giao thêm 01 lô tái định cư thì thấy. Như đã phân tích phần trên thì, tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất bà T không tiếp sinh sống trên diện tích đất trên nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ. Vì vậy UBND thành phố B không bố trí đất tái định cư là đúng.

Xét thấy; Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét toàn diện và khách quan, các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T là có căn cứ. Vì vậy HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Cao Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 điều 241 luật Tổ tụng Hành Chính.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ quy định Điều 204 Luật đất đai 2013; Căn cứ Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 61/2023/HC- ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

3.. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T về việc hủy Công văn số 55/CV-TTPTQĐ ngày 10/7/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; hủy Công văn số 145/CV-TTPTQĐ ngày 03/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và buộc UBND thành phố B giao thêm 01 lô tái định cư cho hộ bà Cao Thị T theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ trả lại đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Công văn số 1894/UBND-VP ngày 31/5/2022 của UBND thành phố B về việc xử lý đơn của bà Cao Thị T.

[3]. Về án phí HCPT: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí do bà Cao

Thị T đã nộp theo biên lai số 0002136 ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Đắk Lắk;
- Cục THADS Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn